TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1994;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: anh **Trần Văn B**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị M, anh B vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/9/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc tại gia đình anh B được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không còn tình cảm và thường xuyên cãi vã nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Từ cuối năm 2018 vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Bố mẹ hai bên cũng có hòa giải nhưng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Trần Thanh P, sinh ngày 16/4/2014. Ly hôn chị đồng ý để anh B trực tiếp nuôi con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B là 700.000 đồng/tháng kể từ tháng 5 năm 2020 đến khi con Phong đủ 18 tuổi. Về phần tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: vợ chồng chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 03/3/2020, bị đơn là anh Trần Văn B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị M trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M đối xử với anh và gia đình anh không đúng mực, chị M có những lời lẽ xúc phạm gia đình anh và cả vấn đề kinh tế giữa anh và gia đình chị M. Chị M nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ chị M ở, anh vì con cái nên đã nhiều lần tìm chị M về nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn là vợ chồng lại mâu thuẫn. Đến năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị M bỏ về nhà mẹ đẻ chị M ở vợ chồng không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, anh đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung: anh và chị M có 01 con chung như chị M trình bày. Từ nhỏ đến nay con chung ở với anh và mẹ đẻ anh. Ly hôn anh xin nuôi con để đảm bảo sự ổn định việc ăn ở học tập cho con. Hiện nay anh lao động tự do, thu nhập khoảng 07 triệu đồng/tháng, có nhà của bố mẹ đẻ để bố con anh ở. Anh đề nghị chị M cấp dưỡng việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa cung cấp: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị M và anh B đúng như anh chị trình bày. Quá trình chung sống anh chị thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách cư xử của chị M và mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng. Đến năm 2014 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Nhật Tân, xã Tân Hòa ở từ đó đến nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

của pháp luật. Về con chung, anh chị có một con chung, từ nhỏ đến nay cháu đều ở với bố và ông bà nội, do anh B và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giao con cho anh B nuôi dưỡng.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh B. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao con Trần Thanh P cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con Phong cho anh B 700.000 đồng/ tháng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do lối sống và tính cách không hợp nhau, nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế. Anh chị đã được gia đình hai bên

hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị M, anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh B.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh P sinh ngày 16/4/2014, hiện đang ở với anh B và bà nội. Xét nguyện vọng của anh B mong muốn nuôi con, cũng có đủ điều kiện và thu nhập để nuôi con, chị M cũng nhường quyền nuôi con cho anh B do vậy cần giao cháu phong cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con P cho anh B 700.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị M và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Trần Văn B.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Thanh P sinh ngày 16/4/2014 cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị M cấp dưỡng nuôi con Trần Thanh P cho anh Trần Văn B 700.000 đồng/ 1 tháng *(Bảy trăm nghìn đồng một tháng)* kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Trần Thanh P đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

số 0003698 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị Phạm Thị M còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 35/2013 quyển 04 ngày 12/9/2013)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương